

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

NGUYỄN VƯƠNG THÙY DƯƠNG*

Trước sự phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo (AI) đang dần có sức ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân và đặc biệt có vai trò mạnh mẽ trong một số ngành nghề và nhiều lĩnh vực khác nhau. Việc áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ dẫn đến năng suất và hiệu quả công việc được nâng cao hơn rất nhiều. Tuy nhiên, cũng đặt ra thách thức lớn đối với người lao động, đặc biệt là lao động phổ thông, lao động chưa qua đào tạo. Điều này đặt ra yêu cầu người lao động phải tích cực nâng cao trình độ kỹ năng nghề để đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường lao động; đồng thời, hướng tới mục tiêu bảo vệ nhu cầu việc làm cũng như bảo đảm đời sống cho người lao động.

Từ khóa: Giáo dục nghề nghiệp; phát triển kỹ năng; người lao động; phát triển bền vững.

With the rapid progress of the Industrial Revolution 4.0, artificial intelligence (AI) is increasingly influencing people's lives and playing a decisive role across various professions and sectors. The application of scientific and technological achievements has significantly enhanced productivity and work efficiency. However, it also poses significant challenges for workers - particularly unskilled and untrained laborers. This situation requires workers to proactively improve their vocational skills to meet the growing demands of the labor market, while also ensuring employment security and stable livelihoods.

Keywords: Vocational education; skill development; workers; sustainable development.

NGÀY NHẬN: 12/9/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 23/10/2025

NGÀY DUYỆT: 14/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.358.2025.1347>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục và phát triển kỹ năng nghề cho người lao động ngày càng đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Theo báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), đến năm 2030, khoảng 40% kỹ năng hiện tại sẽ trở nên lỗi thời, đòi hỏi người lao

động phải liên tục cập nhật và nâng cao trình độ¹. Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn, đó là vừa phải giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cao trong các ngành công nghiệp mới, vừa phải bảo đảm an sinh xã hội cho người lao động trong các ngành truyền thống đang suy giảm. Theo số liệu của Tổng cục Thống

*ThS, Trường Đại học Kiểm sát

kê, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 26%, còn khá thấp so với yêu cầu phát triển².

Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định rõ mục tiêu “phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” là một trong những đột phá chiến lược. Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chính sách và quy định pháp luật nhằm thúc đẩy giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng cho người lao động. Tuy nhiên, trên thực tế, hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và mục tiêu phát triển bền vững.

2. Thực trạng giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề

Giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để người lao động có thể thực hiện hiệu quả một nghề cụ thể; đồng thời, có khả năng thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động. Theo định nghĩa của UNESCO, giáo dục nghề nghiệp bao gồm “tất cả các hình thức và cấp độ của quá trình giáo dục liên quan đến việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng thực hành, bí quyết, thái độ và sự hiểu biết liên quan đến nghề nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội”³. Việc giáo dục nghề nghiệp góp phần nâng cao năng suất cũng như chất lượng người lao động, đáp ứng những yêu cầu cũng như đòi hỏi của thị trường lao động ngày càng khắt khe.

Những năm qua, giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề ở nước ta được đặc biệt chú trọng nhằm bảo đảm mục tiêu nâng cao năng suất và chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu cũng như đòi hỏi của thị trường lao động. Theo số liệu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, hiện nay, cả nước có khoảng 1.900 cơ sở giáo dục nghề nghiệp,

bao gồm các trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp⁴. Tuy số lượng cơ sở đào tạo tương đối lớn, nhưng chất lượng đào tạo còn chênh lệch đáng kể. Nhiều cơ sở vẫn thiếu trang thiết bị dạy học hiện đại, đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành chưa cao. Đặc biệt, sự phân bố các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn mất cân đối giữa các vùng, miền, tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn và trung tâm kinh tế.

Bên cạnh đó, mặc dù chất lượng đào tạo nghề tại Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Nguyên nhân chính là do chương trình đào tạo chưa cập nhật, thiếu tính thực tiễn và chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của doanh nghiệp. Vấn đề thiếu kỹ năng mềm cũng là một thách thức lớn. Người lao động Việt Nam thường được đánh giá cao về kiến thức lý thuyết nhưng lại yếu về các kỹ năng, như: giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo.

Ngoài ra, trong quá trình giáo dục và đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề ở Việt Nam hiện nay còn thiếu vắng sự tham gia của các doanh nghiệp, cũng như những hạn chế rất lớn đối với nhóm người lao động phổ thông, lao động tại các vùng nông thôn. Các mô hình đào tạo kép, trong đó người học vừa học tại trường vừa thực tập tại doanh nghiệp, chưa được triển khai rộng rãi. Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), khoảng 72% doanh nghiệp cho rằng, họ phải đào tạo lại sau khi tuyển dụng⁵. Nhiều doanh nghiệp còn e ngại việc đầu tư vào đào tạo do lo ngại người lao động sau khi được đào tạo sẽ chuyển sang làm việc cho doanh nghiệp khác. Các nhóm đối tượng yếu thế, như: người lao động nông thôn, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn gặp nhiều

khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Mặc dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ nhưng hiệu quả triển khai trên thực tế còn nhiều hạn chế do thiếu nguồn lực, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên chuyên môn.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa đang làm thay đổi sâu sắc cấu trúc thị trường lao động. Nhiều nghề nghiệp truyền thống có nguy cơ biến mất, trong khi các nghề mới liên tục xuất hiện đòi hỏi kỹ năng khác biệt. Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, khoảng 30% việc làm hiện tại tại Việt Nam có nguy cơ bị thay thế bởi tự động hóa trong 10 năm tới⁶. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế, điều này đòi hỏi người lao động phải có trình độ tay nghề và kỹ năng tương đương với các nước trong khu vực và thế giới. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu (EU) - Việt Nam (EVFTA) và các hiệp định thương mại tự do khác mở ra cơ hội nhưng cũng tạo áp lực cạnh tranh lớn. Trong khi đó, khung trình độ quốc gia của Việt Nam chưa được công nhận rộng rãi trên trường quốc tế, gây khó khăn cho việc di chuyển lao động và công nhận kỹ năng nghề.

Đứng trước sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, thì thực tế việc đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế so với nhu cầu thực tiễn. Tổng ngân sách nhà nước dành cho giáo dục nghề nghiệp chỉ chiếm khoảng 8% tổng chi cho giáo dục và đào tạo, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực⁷. Việc thu hút đầu tư tư nhân và xã hội hóa

giáo dục nghề nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do cơ chế, chính sách chưa thực sự khuyến khích. Tâm lý coi trọng bằng cấp đại học và định kiến đối với giáo dục nghề nghiệp vẫn còn phổ biến trong xã hội. Nhiều gia đình và học sinh vẫn xem việc học nghề là lựa chọn thứ yếu sau khi không thể vào đại học. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cao trong nhiều ngành nghề quan trọng của nền kinh tế.

3. Một số giải pháp

Thứ nhất, cần rà soát, sửa đổi và bổ sung *Luật Giáo dục nghề nghiệp* để khắc phục những bất cập hiện nay, đặc biệt là các quy định về tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, sự tham gia của doanh nghiệp và quyền lợi của người học. Xây dựng nghị định riêng về chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp, bao gồm các ưu đãi về thuế, tín dụng và đất đai. Đồng thời, ban hành nghị định về khung trình độ quốc gia Việt Nam phù hợp với chuẩn mực quốc tế, tạo điều kiện cho việc công nhận lẫn nhau về trình độ và kỹ năng nghề.

Thứ hai, tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan. Cần xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành trong quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Thành lập các Hội đồng kỹ năng ngành với sự tham gia của đại diện doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý nhà nước để xác định nhu cầu kỹ năng và xây dựng chuẩn nghề. Xây dựng nền tảng thông tin thị trường lao động quốc gia để cung cấp thông tin kịp thời về nhu cầu kỹ năng, cơ hội việc làm và nguồn nhân lực sẵn có.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển kỹ năng. Trong đó, cần ban hành bộ tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giảng viên của cơ

sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tiếp cận với chuẩn mực quốc tế. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tăng cường kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm và kỹ năng số để đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Hoàn thiện hệ thống đánh giá và công nhận kỹ năng nghề quốc gia, bao gồm cả việc công nhận kỹ năng có được thông qua kinh nghiệm làm việc và tự học.

Thứ tư, cần xây dựng những chính sách hỗ trợ đối với nhóm lao động yếu thế, lao động đặc thù cũng như có cơ chế hỗ trợ tài chính mạnh mẽ hơn cho người học thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người khuyết tật tham gia giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, ban hành chính sách đặc thù về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người lao động trung niên và lao động trong các ngành, nghề truyền thống bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi số và tái cơ cấu kinh tế; tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ đào tạo lại và đào tạo nâng cao cho người lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai và các biến động kinh tế - xã hội.

4. Kết luận

Giáo dục và phát triển kỹ năng nghề cho người lao động đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể, hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng. Để giải quyết những thách thức này, cần có sự đổi mới toàn diện về chính sách và quy định pháp luật cũng như tăng cường hiệu quả thực thi trên thực tế. □

Chú thích:

1. International Labour Organization. *Working Futures: The Changing Nature of Jobs in Developing Economies*.

2. Tổng cục Thống kê (2023). *Báo cáo khảo sát lao động và việc làm năm 2023*.

3. UNESCO (1974). *Recommendation concerning Technical and Vocational Education and Training*.

4. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2022). *Báo cáo tổng kết năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023*.

5, 6. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2021). *Báo cáo Thường niên về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*.

7. Bộ Tài chính (2020). *Báo cáo tổng kết ngân sách nhà nước năm 2020*.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

2. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2022). *Khảo sát về nhu cầu đào tạo và kỹ năng của doanh nghiệp Việt Nam*.

3. Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014*.

4. Tổng cục Thống kê (2023). *Báo cáo khảo sát thị trường lao động Quý IV năm 2023*.

5. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2024). *Báo cáo tổng kết công tác giáo dục nghề nghiệp năm 2023 và phương hướng năm 2024*.

6. World Commission on Environment and Development (WCED) (1987). *Our Common Future*. Oxford University Press, Oxford, UK.

7. International Labour Organization (2023). *The Future of Work: Skills and Technology Outlook 2030*. Geneva: ILO Publications.

8. UNESCO (2015). *Recommendation concerning Technical and Vocational Education and Training (TVET)*. Paris: UNESCO.

9. Smith, J. & Müller, K. (2020). *The German Dual System: A Model for Global Skills Development*. Springer International Publishing.

10. SkillsFuture Singapore (2018). *SkillsFuture: A National Movement for Lifelong Learning*. Singapore: SSG.